

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:15/2021/HS-ST
Ngày 03-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Ông Tạ Duy Diên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/HSST- QĐXX ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Phong B, sinh năm 1983; nơi sinh: huyện Th, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: thôn Th, xã L, huyện Th, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Phong C và bà Lê Thị Ph; có vợ Trần Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 8 năm 2019, bị cáo Nguyễn Phong B gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi (B không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này), ngồi tại quán nước cạnh đường Quốc lộ 5, thuộc địa phận huyện M, tỉnh Hưng Yên người đàn ông trên giới thiệu có thể làm được giấy phép lái xe các loại. Do đang có nhu cầu sử dụng giấy phép lái xe hạng B2 nên B đã thoả thuận mua 01 giấy phép lái xe hạng B2 với giá 3.000.000đồng và đưa số điện thoại (0865815735) của B cho người đàn ông để tiện cho việc liên hệ. Đến ngày 17-8-2019, người

đàn ông trên điện thoại và nói với B mang 01 chứng minh nhân dân (phô tô), 01 ảnh chân dung kích thước (3 x 4)cm đến ngã tư thị trấn Nh, huyện V, tỉnh Hưng Yên đưa cho anh ta, nhưng khi đến nơi thì không phải là người mà B gặp hôm trước mà là người khác, người đàn ông này hỏi B có đem giấy tờ không, B đưa các tài liệu trên cho người đàn ông này và đi về. Sau đó khoảng 4-5 ngày, B nhận được một bưu phẩm do một nhân viên của công ty chuyển phát, không rõ tên công ty tại khu vực cổng chợ G, thị trấn Nh, huyện V, tỉnh Hưng Yên giao, B mở kiểm tra thấy bên trong bưu phẩm là 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 330194031397 mang tên Nguyễn Phong B nên đã thanh toán cho người chuyển bưu phẩm số tiền 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ ngày 21-7-2020, B điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Daewoo, BKS 29A-007.82 theo hướng từ huyện H, tỉnh Thái Bình đi thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Đến Km44 + 200 đường 39A, khu vực đông dân cư thuộc địa phận xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình do B điều khiển xe chạy vượt quá tốc độ quy định từ 10km/h đến 20km/h nên bị Tổ tuần tra kiểm soát giao thông thuộc Trạm cảnh sát giao thông Triều Dương, Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng xe, kiểm tra giấy tờ. B đã xuất trình giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 330194031397 do B đã mua vào tháng 8/2019 mục đích để cho lực lượng chức năng không biết việc B không có giấy phép lái xe khi tham gia giao thông, thấy có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác đã yêu cầu B trình bày về nguồn gốc giấy phép lái xe, B khai nhận giấy phép lái xe trên là giả, B mua để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi, vi phạm chạy quá tốc độ quy định và sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; lập biên bản tạm giữ phương tiện và trưng cầu giám định đối với giấy phép lái xe trên.

Tại Bản kết luận số 10/KLGD ngày 22-7-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Giấy phép lái xe số 330194031397, ngày 20/10/2019, Họ tên: Nguyễn Phong B, ngày sinh: 10/7/1983, Quốc tịch: Việt Nam, nơi cư trú: X.N. H.Th, T.Hà Nam là giấy phép lái xe giả”.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSHH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Phong B về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo B phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi dùng giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả của bị cáo B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Bị cáo B với động cơ, mục đích là làm giả giấy phép lái xe ô tô hạng B2 nên bị cáo đã chủ động liên hệ với người mà bị cáo không quen biết và đã tiếp tay với đối tượng làm giả, cụ thể cung cấp thông tin cá nhân của bị cáo (gồm chứng minh nhân dân (phô tô); ảnh chân dung kích thước 3cm x 4cm) và trả tiền để lấy giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 330194031397 giả mang tên bị cáo. Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả không có sẵn mà do bị cáo trực tiếp đặt làm. Mặc dù cơ quan điều tra không xác định được đối tượng trực tiếp làm giấy phép lái xe ô tô giả theo như lời khai của bị cáo B, nhưng hành vi chủ ý đặt làm giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả của bị cáo như đã nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Cáo trạng của VKSND huyện H truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là chưa đúng với bản chất của hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Chính vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 341. Tội làm giả con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Phong B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt. Từ các nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với người nhận làm giả giấy phép lái xe ô tô hạng B2 theo lời khai của bị cáo: Kết quả điều tra không xác định được người đã nhận làm giả giấy phép lái xe ô tô hạng B2 cho bị cáo nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo, BKS 29A-007.82, màu xanh loại xe 05 chỗ đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1400826; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô. Cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe trên là anh Phạm Văn M và chị Đỗ Thị H, cùng cư trú tại: A49, TTCT, cầu 11, Đ/Ngạc, B/T/Liêm, TP Hà Nội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại tài sản trên cho bị cáo B, vì anh M, chị H ủy quyền cho bị cáo đúng theo quy định pháp luật. 01 giấy phép lái xe số 330194031397 mang tên Nguyễn Phong B là giả, lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Phong B** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo B **09 (chín)** tháng tù nhưng

cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(năm) năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ba cho UBND xã L, huyện Th, tỉnh Hà Nam nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo B phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

